TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2019/DSST
Ngày 10-6-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2018/TLST–DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST–DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần K**

Địa chỉ: số 40-42-44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần T. A** – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Văn T** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R. Theo Quyết định về việc ủy quyền thường xuyên số 1203/QĐ-NHKL ngày 24/4/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Đức M** – Chức vụ: Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R, Phòng giao dịch T. Theo Giấy ủy quyền số 96/UQ-CNRG ngày 26/9/2018 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Cao Văn N1** – sinh năm 1966 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Bà **Dương Thị Thu N2** – sinh năm 1967 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Cao Đức T** – sinh năm 1990 (vắng mặt lần 2, không lý do)

2. Anh **Cao Thanh P** – sinh năm 1996 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là ông Nguyễn Đức M trình bày:***

Vào ngày 09/5/2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R, Phòng giao dịch T có ký Hợp đồng Tín dụng số PSTT0294/HĐTD + Phụ kiện hợp đồng ngày 09/5/2012 với ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2, cụ thể như sau:

- Số tiền vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)
- Mục đích vay: sản xuất lúa và xây dựng chuồng trại chăn nuôi
- Thời hạn vay: 13 tháng
- Lãi suất cho vay: 1.75%/tháng.
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.
- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 566, tờ bản đồ số 01, tổng diện tích 192m^2, mục đích sử dụng: đất ở 40m^2, đất trồng cây lâu năm khác 152m^2, được Uỷ ban Nhân dân huyện T, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265826, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01756, ngày 14/01/2009, mang tên hộ ông Cao Văn N1, đất tọa lạc tại ấp T, xã TB (nay là xã T), huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Từ khi vay đến nay, ông N1, bà N2 không thực hiện trả gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà ông N1, bà N2 để liên hệ làm việc nhưng ông N1, bà N2 không có mặt ở địa phương và bỏ đi đâu không rõ địa chỉ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu ông Cao Văn N1,

bà Dương Thị Thu N2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/6/2019 là 186.973.404đ, trong đó: nợ gốc là 60.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 14.349.354đ, tiền lãi quá hạn là 112.624.050đ và yêu cầu tính lãi phát sinh.

Trường hợp ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 không trả hoặc trả không dứt nợ thì Ngân hàng yêu cầu được kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của hộ ông Cao Văn N1 để thu hồi nợ.

Do bị đơn ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Đức T và anh Cao Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên ông N1, bà N2, anh T và anh P không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền là tạm tính đến ngày 10/6/2019 là 186.973.404đ và tiền lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ.

Trường hợp ông N1, bà N2 không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của hộ ông Cao Văn N1 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần

K và ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Cao Đức T và anh Cao Thanh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, cũng như thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật; nhưng tại phiên tòa hôm nay ông N1, bà N2, anh T và anh P vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N1, bà N2, anh T và anh P. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2, anh Cao Đức T và anh Cao Thanh P.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Xét thấy Hợp đồng Tín dụng số PSTT0294/HĐTD ngày 09/5/2012 đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, là hợp đồng vay có bảo đảm bằng tài sản thế chấp và hợp đồng này có thời hạn hoàn tất hợp đồng. Tòa án công nhận Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 là hợp pháp.

[2] Xét thấy, ngày 09/5/2012 Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R, Phòng giao dịch T và ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 ký Hợp đồng tín dụng số PSTT0294/HĐTD + Phụ kiện hợp đồng (là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng tín dụng số PSTT0294/HĐTD), để cho ông N1, bà N2 vay số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Từ khi vay đến nay, ông N1, bà N2 không thực hiện việc trả gốc và lãi cho Ngân hàng, nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông N1, bà N2 trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/6/2019 là 186.973.404đ và yêu cầu tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy

định về nghĩa vụ chứng minh, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bị đơn ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khi đến hạn.

[3] *Về lãi suất:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu tính lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết tạm tính đến ngày 10/6/2019 và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 91**,** Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi suất, nên Ngân hàng yêu cầu ông N1, bà N2 phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, buộc ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/6/2019 là 186.973.404đ, trong đó: nợ gốc là 60.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 14.349.354đ, tiền lãi quá hạn là 112.624.050đ và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K: Căn cứ theo quy định tại Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 56, 58, 59, 63 và 66 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm,

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PSTT0294/HĐTC ngày 09/5/2012, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của hộ ông Cao Văn N1, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 đúng theo quy định của pháp luật; nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 không trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; do nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có yêu cầu thông báo tím kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2,

anh Cao Đức T và anh Cao Thanh P, nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 2.250.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không phải chịu án phí.

Buộc ông Cao Văn N1 và bà Dương Thị Thu N2 phải nộp án phí là: 186.973.404đ x 5% = 9.348.670đ (Chín triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 146, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 9, Điều 25, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2.

2. Buộc ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tổng cộng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/6/2019 là 186.973.404đ (Một trăm tám mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 60.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 14.349.354đ và tiền lãi quá hạn là 112.624.050đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng Tín dụng số PSTT0294/HĐTD ngày 09/5/2012 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 không trả số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PSTT0294/HĐTC ngày 09/5/2012 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265826, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01756, ngày 14/01/2009, mang tên hộ ông Cao Văn N1 cho ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2.

3. ***Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã nộp đủ.

4. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2 phải nộp số tiền là: 186.973.404đ x 5% = 9.348.670đ (Chín triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền là 5.061.000đ (Năm triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005271 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Cao Văn N1, bà Dương Thị Thu N2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Đức T và anh Cao Thanh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo